TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2024/DS-ST Ngày: 10 - 9 - 2024 V/v: "T/C hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự
Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Võ Thị Thu D, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp F, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Thu B, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp F, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Lê Phước K, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp F, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn là bà Võ Thị Thu D trình bày:

Vào năm 2021, bị đơn là ông Lê Phước K vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 04 tháng 10 năm 2021 vay 50.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Ngọc Q;

Ngày 06 tháng 10 năm 2021 vay 60.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Thu B1;

Ngày 11 tháng 10 năm 2021 vay 60.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bích T;

Ngày 14 tháng 10 năm 2021 vay 80.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Hương G;

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 vay 50.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Tuấn A;

Ngày 06 tháng 11 năm 2021 vay 100.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bé H;

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 vay 70.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thành H1;

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 vay 120.000.000 đồng, bị đơn có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H2.

Tổng cộng, bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền là 590.000.000 đồng.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, bị đơn hỏi mượn lại 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp và hứa sẽ dùng những Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp vay tiền Ngân hàng để trả cho nguyên đơn.

Đến ngày 15 tháng 11 năm 2023, bị đơn có làm biên nhận thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 590.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ trả nợ theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn chưa trả được khoản nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 590.000.000 đồng nợ gốc và 177.000.000 đồng nợ lãi.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Lê Phước K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Phước K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là: 01 Biên nhận lập ngày 15 tháng 11 năm 2023, có chữ ký và ghi họ tên của bị đơn, thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền 590.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ trả nợ theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng, hoặc có nhiều thì trả nhiều hơn, trả dứt số tiền 590.000.000 đồng; 01 biên nhận lập ngày 14 tháng 01 năm 2022, có chữ ký và ghi họ tên của bị đơn, thừa nhận có nhận lại của nguyên đơn "07 cái bằng khoán tên Tuấn A - Bà G - Bà T - T - Bà Bé H - Ông H1 - Bà Q, chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, mỗi lần triệu tập bị đơn đều trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng cố tình vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến, yêu cầu và các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp, xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền 590.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Phía nguyên đơn không chứng minh được hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự có thỏa thuận về lãi suất; biên nhận ngày 15 tháng 11 năm 2023 cũng chỉ ghi nhận việc bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền 590.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ trả nợ theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng mà không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, theo biên nhận này các đương sự thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ trả nợ hàng tháng, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng. Theo đó, kỳ trả nợ đầu tiền được xác định là ngày 15 tháng 12 năm 2023, nhưng phía bị đơn không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận nên cần buộc bị đơn trả lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 15/12/2023) theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự; lãi suất được tính là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (15/12/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (10/9/2024) là 271 ngày; lãi suất được tính như sau: 590.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 271 ngày = 43.805.500 đồng (tính tròn).

[3.3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là: 633.805.500

đồng, trong đó: Nợ gốc là 590.000.000 đồng, nợ lãi là 43.805.500 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144 và 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Lê Phước K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Võ Thị Thu D số tiền là 633.805.500 đồng (sáu trăm ba mươi ba triệu tám trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 590.000.000 đồng, nợ lãi là 43.805.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Phước K phải chịu 29.352.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Thu D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.340.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006927 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng